

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG NHÉ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 06/2020/HS-ST
Ngày 27-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG NHÉ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Nhung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Phấn

Ông Trịnh Xuân Phùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Hoàn-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Điều Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27/02/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2020/TLST-HS ngày 10/01/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HS ngày 14/02/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Kh (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1969 tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Tổ 1, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn X (đã chết) và bà Đặng Thị Ch (sinh năm 1939); Có chồng là Trần Văn Th (Ly hôn năm 1996) và có 01 con; Tiền sự: Không; Tiền án: không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/10/2019 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Nhé đến nay, có mặt.

Bị hại: Anh Trần Văn N, sinh năm 1981, trú tại: Tổ 3, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Như Y, sinh năm 1988, trú tại: Tổ 3, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2018 Nguyễn Thị Kh có quen biết với Trần Văn N và rủ N cùng chung tiền vốn để kinh doanh thóc gạo nhưng do N chưa tin tưởng Kh nên chưa đồng ý. Đến tháng 6 năm 2018 N nhờ anh Phạm Như Y chuyển cho Kh 20 triệu đồng để nhờ Kh đặt cọc tiền mua nhà giúp N nhưng việc mua bán nhà không thành công. Kh tiếp tục rủ N cùng chung tiền kinh doanh thóc gạo, N đồng ý và để Kh lấy 20 triệu đồng trên để kinh doanh thóc gạo cùng với Kh. Sau đó N có hỏi Kh về việc kinh doanh thóc gạo này và Kh nói đã mua được gạo nhập cho trường mầm non H và lãi được 2.300.000 đồng nhưng thực tế Kh không mua gạo và cũng không nhập gạo cho trường mầm non H. Khánh tiếp tục trao đổi với N về việc chung tiền mua thêm thóc gạo tiếp và cùng trong tháng 6 năm 2018 N chuyển tiếp cho Kh 56 triệu đồng và 120 triệu đồng. Như vậy, N đã chuyển cho Kh tổng cộng là 196 triệu đồng. Sau khi nhận được tiền của N thì Kh không có mặt tại nơi cư trú nên N có điện thoại hỏi về việc mua thóc gạo kinh doanh, Kh nói dối với N là đã mua được 16 đến 17 tấn thóc, tuy nhiên thực tế Kh cũng không mua thóc để kinh doanh. Với số tiền mà Kh đã nhận được từ N, tháng 7 năm 2018 Kh lại hợp tác làm ăn với Bùi Duy U về việc làm hồ sơ vay tiền Ngân hàng, Kh đưa cho U 69 triệu đồng, đưa cho người đàn ông tên D 30 triệu đồng, đưa cho người đàn ông tên L 30 triệu đồng, đưa cho người phụ nữ tên H 18 triệu đồng. Đến tháng 11 năm 2018 N biết Kh không dùng tiền mua thóc gạo, biết mình đã bị Kh lừa đảo để chiếm đoạt tiền của mình nên đã hỏi thúc Kh trả lại tiền và Kh chuyển trả lại cho N 10 triệu đồng. Với số tiền 196 triệu đồng từ N chuyển cho Kh để hợp tác kinh doanh thóc gạo, Kh không dùng tiền này để kinh doanh thóc gạo mà chỉ trả lại cho N 10 triệu đồng, còn lại số tiền 186 triệu đồng Kh đưa cho U, D, L và H tổng cộng 147 triệu đồng, còn lại 39 triệu đồng Kh chi tiêu cá nhân hết. Như vậy, Kh đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của Trần Văn N 186 triệu đồng.

Cáo trạng số 03/CT-VKS-MN ngày 10/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé đã truy tố Nguyễn Thị Kh để xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố, phần luận tội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kh phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị xử phạt bị cáo từ 05 đến 06 năm tù; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt với bản án số 157/2019/HS-ST ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội cho bị cáo; Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự; Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và 589 bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại 186 triệu đồng; Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Thị Kh phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã tóm tắt ở trên và đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Trong phần tranh luận bị cáo xin đại diện Viện kiểm sát giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức viện kiểm sát đề nghị. Đại diện viện kiểm sát giữ nguyên luận tội. Ở lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Như Y tại phiên tòa khai: Vào ngày 12/6/2018 anh Trần Văn N có nhờ anh Y đưa cho bị cáo Nguyễn Thị Kh 20 triệu đồng để đặt cọc tiền mua đất cho anh N, anh Y không biết gì về việc hợp tác kinh doanh giữa anh N và Nguyễn Thị Kh.

Bị hại tại phiên tòa khai: Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của bị hại 186 triệu đồng, bị hại yêu cầu bị cáo trả lại cho bị hại 186 triệu đồng và đề nghị xử lý bị cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét hành vi phạm tội và những căn cứ xác định tội danh của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Kh khai đã dùng thủ đoạn gian dối, tạo lòng tin, hứa hẹn đối với anh Trần Văn N, rủ anh N cùng chung tiền vốn hợp tác kinh doanh thóc gạo kiếm lời chia nhau với mục đích để chiếm đoạt của anh N 186 triệu đồng. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với bản tự khai và các bản cung có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết luận điều tra, cáo trạng truy tố và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 03/CT-VKS-MN ngày 10/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé truy tố bị cáo để xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Ngày 06/8/2019 bị cáo Nguyễn Thị Kh bị Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 06 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”,

vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt cho bị cáo.

[4] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Từ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo từ 05 đến 06 năm tù. Xét đề nghị này của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, hợp pháp nên cần xử phạt bị cáo như đề nghị của Viện Kiểm sát.

Xét hoàn cảnh kinh tế gia đình của bị cáo khó khăn, hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 điều 174 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình điều tra đã làm rõ Anh Trần Văn N chỉ nhờ anh Phạm Như Y đưa tiền cho bị cáo Kh, xét thấy anh Y không biết gì về việc hợp tác làm ăn giữa bị cáo Kh và anh N nên không xem xét trong vụ án này.

Đối với đối tượng đối tượng Bùi Duy U là người mà bị cáo Kh đã đưa tiền để hợp tác làm ăn, do bị cáo không biết rõ đối tượng này đang ở đâu, cơ quan điều tra xác minh Bùi Duy U không có mặt tại địa phương nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với ba đối tượng D, L và H, khi đưa tiền theo chỉ dẫn của Bùi Duy U bị cáo chỉ biết tên, không rõ địa chỉ cư trú ở đâu, cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh nên không có cơ sở xử lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Trần Văn N yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 186 triệu đồng. Xét thấy yêu cầu này của bị hại là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận yêu cầu của bị hại.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Nhé, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kh phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".
Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kh 05 (Năm) năm tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự: Tổng hợp với hình phạt 06 (Sáu) năm tù của bản án số 157/2019/HS-ST ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội buộc bị cáo Nguyễn Thị Kh phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 11 (Mười một) năm tù, được trừ thời gian đã chấp hành án của bản án số 157/2019/HS-ST ngày 06/8/2019 là 09 tháng 08 ngày. Bị cáo Nguyễn Thị Kh còn phải chấp hành **10 (Mười) năm 02 (Hai) tháng 22 (Hai mươi hai) ngày** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam, ngày 31/10/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo phải bồi cho người bị hại anh Trần Văn N 186 triệu đồng (*Một trăm tám mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Thị Kh phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 9.300.000 đồng (*Chín triệu ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng bị cáo phải chịu 9.500.000 đồng (*Chín triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA (TAND tỉnh Điện Biên);
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Nhé;
- Nhà tạm giữ, Cơ quan THAHS, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Nhé;
- Chi cục THADS huyện Mường Nhé;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người liên quan;
- Lưu HS, HSTHA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Nhung